BẢN SAO

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 700 /QĐ-UBND | *Bắc Ninh, ngày 20 tháng 6 năm 2016* |

CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC BN
SỐ 1100 NGÀY 20/6/2016
ĐẾN 20/6/2016
ĐÃ VÀO SỔ 2233

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh.**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP; Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011;

Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần,

Căn cứ Văn bản số 6892/VPCP-ĐMDN ngày 01/9/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh và Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Bắc Ninh; Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Bắc Ninh và Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt lựa chọn tổ chức tư vấn định giá thực hiện tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 59/ĐMDN-TTr ngày 13/6/2016,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/10/2015 để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh, gồm các nội dung chủ yếu sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp là: **278.478.161.042 đồng** *(Hai trăm bảy mươi tám tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, một trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng).*

Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **185.918.396.060 đồng** *(Một trăm tám mươi lăm tỷ, chín trăm mười tám triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi đồng);*

Tổng nợ thực tế phải trả là: **92.559.764.982 đồng** *(Chín mươi hai tỷ, năm trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng);*

Nguồn vốn kinh phí sự nghiệp là: **0 đồng**.

Cụ thể như sau:

| Chỉ tiêu | Số liệu xác định giá trị doanh nghiệp | Số liệu thẩm tra lại | Chênh lệch |
|---|---|---|---|
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4) = (3) - (2)* |
| **A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)** | **278.284.514.838** | **278.478.161.042** | **193.646.204** |
| **I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn** | **222.511.399.467** | **222.705.045.671** | **193.646.204** |
| 1. Tài sản cố định | 180.182.764.527 | 180.376.410.731 | 193.646.204 |
| a. Tài sản cố định hữu hình | 180.182.764.527 | 180.376.410.731 | 193.646.204 |
| b. Tài sản cố định vô hình | 0 | 0 | 0 |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 4.156.324.843 | 4.156.324.843 | 0 |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 23.196.766.638 | 23.196.766.638 | 0 |
| 4. Các khoản phải thu dài hạn | 14.297.062.928 | 14.297.062.928 | 0 |
| 5. Chi phí trả trước dài hạn | 678.480.531 | 678.480.531 | 0 |
| **II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn** | **55.773.115.371** | **55.773.115.371** | **0** |
| 1. Tiền | 26.436.509.018 | 26.436.509.018 | 0 |
| + Tiền mặt tồn quỹ | 3.778.372.552 | 3.778.372.552 | 0 |
| + Tiền gửi ngân hàng | 4.158.136.466 | 4.158.136.466 | 0 |
| + Các khoản tiền gửi dưới 3 tháng | 18.500.000.000 | 18.500.000.000 | 0 |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 0 | 0 |
| 3. Các khoản phải thu | 22.868.078.074 | 22.868.078.074 | 0 |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho | 5.742.308.857 | 5.742.308.857 | 0 |
| 5. Tài sản lưu động khác | 726.219.422 | 726.219.422 | 0 |
| **III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN** | 0 | 0 | 0 |
| **IV. Giá trị quyền sử dụng đất** | | | |
| **B. Tài sản không cần dùng** | | | |
| **I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn** | | | |
| **II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn** | | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **C. Tài sản chờ thanh lý** | **76.882.919** | **76.882.919** | **0** |
| **D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng** | | | |
| **TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)** | **278.361.397.757** | **278.555.043.961** | **193.646.204** |
| **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)** | **278.284.514.838** | **278.478.161.042** | **193.646.204** |
| **E1. Nợ thực tế phải trả** | **92.559.764.982** | **92.559.764.982** | **0** |
| **E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp** | | | |
| **TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- ( E1+E2)}** | **185.724.749.856** | **185.918.396.060** | **193.646.204** |

**Điều 2.** Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, theo chức năng phối hợp, chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh thực hiện các công việc tiếp theo để cổ phần hóa doanh nghiệp, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, PVP.KTTH, CVP.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
28 -10- 2016
SỐ CHỨNG THỰC 889 QUYỂN SỐ 01 SCT/BS

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Thành**

CHỦ TỊCH

**ĐỖ VĂN CÔNG**